

Xây dựng Chuẩn đầu ra trong đào tạo cử nhân sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Bùi Minh Đức

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
Phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên,
tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Email: duckhsp@gmail.com

TÓM TẮT: Chuẩn đầu ra nhóm ngành đào tạo cử nhân sư phạm cần được xây dựng, phát triển để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chương trình giáo dục phổ thông mới nói riêng. Chuẩn được xây dựng theo quan điểm tiếp cận hệ thống, tiếp cận năng lực, tiếp cận chức năng và tiếp cận thực tiễn. Trên cơ sở kế thừa các Chuẩn đầu ra đã được nghiên cứu, áp dụng ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới, dựa vào yêu cầu mới của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chương trình giáo dục phổ thông mới, tác giả đề xuất Khung Chuẩn đầu ra cho nhóm ngành đào tạo cử nhân sư phạm gồm: 1/ Phẩm chất (Phẩm chất chính trị và ý thức công dân; Đạo đức và phong cách sư phạm); 2/ Năng lực (Năng lực chung, năng lực chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm).

TỪ KHÓA: Chuẩn đầu ra; cử nhân sư phạm; phẩm chất; năng lực.

→ Nhận bài 25/01/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/02/2019 → Duyệt đăng 25/02/2019.

1. Đặt vấn đề

Đào tạo (ĐT) cử nhân sư phạm (CNSP) là giai đoạn đầu của quá trình ĐT giáo viên (GV). Trong ĐT CNSP, một trong những việc đầu tiên cần phải thực hiện là xây dựng Chuẩn đầu ra (CĐR) của nhóm ngành ĐT CNSP bởi đây là căn cứ quan trọng để từ đó xây dựng Khung chương trình (CT), CT chi tiết, giáo trình, bài giảng... Ở Việt Nam, việc xây dựng các CĐR này cũng đã được quan tâm. Năm 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành CĐR trình độ đại học (ĐH) khối ngành Sư phạm (SP) ĐT GV Trung học phổ thông (THPT). Các Trường ĐHSPT Hà Nội, Trường ĐHSPT Hà Nội 2, Trường ĐHSPT – ĐH Huế, Trường ĐHSPT – ĐH Đà Nẵng... cũng đã phát triển các CĐR cụ thể theo đặc thù ĐT của từng trường. Tuy nhiên, khi Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) mới (kèm theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018) và CT GDPT mới (kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018) được ban hành và có hiệu lực thì CĐR của nhóm ngành ĐT CNSP cũng cần phải được nghiên cứu, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu, xu thế đổi mới giáo dục (GD) nói chung cũng như đổi mới ĐT GV nói riêng. Bài viết này trình bày một số kết quả ban đầu của quá trình xây dựng CĐR của nhóm ngành ĐT CNSP cấp Trung học nhằm đáp ứng các yêu cầu đổi mới nêu trên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm, phương pháp tiếp cận xây dựng Chuẩn

2.1.1. Tiếp cận hệ thống

CĐR của CNSP được xác định là một hệ thống gồm nhiều yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, xuyên thấm, đan bện trong nhau và tác động qua lại. Việc phân tách thành các thành phần cụ thể, các tiêu chuẩn, tiêu chí, các mức độ chỉ báo chỉ là thao tác tư duy khoa học. Đó là yêu cầu khách quan của việc nghiên cứu đòi hỏi phải đi sâu xem xét, tường giải kĩ

các phần tử cấu thành. Trên thực tế, tất cả những yếu tố đó tồn tại, hợp thành một chỉnh thể là nhân cách SP của người giáo sinh.

2.1.2. Tiếp cận vai trò, chức năng

Nghề nào cũng có chức năng riêng. Nghề dạy học cũng vậy, chức năng của nghề dạy học là cơ sở làm nên tính đặc thù, đặc trưng của nghề Sư phạm (SP). Tiếp cận chức năng chính là xem xét từ vai trò, nhiệm vụ mà những người làm nghề dạy học phải thực hiện. Nói cách khác, là GV thì phải thực hiện những sứ mệnh ấy. Đây chính là một trong những cơ sở quan trọng để xem xét các phẩm chất và NL mà sinh viên (SV) SP cần có để thực hiện được “sứ mệnh” nêu trên. Theo Đinh Quang Báo (2016), người GV ngày nay cần có các vai trò, chức năng sau: 1/ Nhà GD; 2/ Người nghiên cứu; 3/ Người học suốt đời; 4/ Nhà văn hóa – xã hội. Vũ Thị Sơn (2015) cho rằng, GV phải là: 1/ Người học suốt đời; 2/ Nhà SP chuyên nghiệp; 3/ Nhà nghiên cứu thực hành; 4/ Nhà canh tân xã hội. Bùi Minh Đức và các cộng sự (2017) quan niệm: 1/ GV là chuyên gia về việc học tập của HS; 2/ GV là chuyên gia về môn học; 3/ GV là chuyên gia GD; 4/ GV là người quản lí lớp học; 5/ GV là chủ thể phát triển nghề nghiệp; 6/ GV là chủ thể tích cực phát triển nhà trường; 7/ GV là chủ thể tích cực phát triển xã hội.

Các chuẩn nghề nghiệp GV gần đây do Bộ GD&ĐT ban hành như Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông (2009), (2018) hay CĐR trình độ ĐH khối ngành SP ĐT GV THPT (2012) tuy không đề cập trực tiếp đến vai trò, chức năng của GV nhưng từ hệ thống NL mà các Chuẩn này đưa ra cũng có thể thấy những vai trò, chức năng cơ bản của người GV như: 1/ Nhà chuyên môn; 2/ Nhà SP; 3/ Nhà hoạt động xã hội; 4/ Chủ thể phát triển nghề nghiệp (NL phát triển nghề nghiệp).

Từ các nghiên cứu trên, có thể tìm thấy điểm chung về vai trò, chức năng của người GV như sau: 1/ GV phải là

nhà GD/nhà SP; 2/ GV phải là nhà chuyên môn (am hiểu về 1-2 môn học hoặc lĩnh vực học tập, ví dụ như khoa học tự nhiên); 3/ GV phải là nhà nghiên cứu ứng dụng; 4/ GV phải là chủ thể phát triển nghề nghiệp (người học suốt đời, biết phát triển nghề nghiệp); 5/ GV là chủ thể tham gia xây dựng và phát triển nhà trường; 6/ GV là chủ thể tham gia phát triển xã hội. Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm rằng, chỉ nên xem “GV là chủ thể tham gia phát triển xã hội” tức là người chủ động, tích cực tham gia cùng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường trong việc xây dựng cộng đồng địa phương và môi trường văn hóa xã hội.

2.1.3. Tiếp cận năng lực nghề

Cũng như Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông ở các nước tiên tiến và Việt Nam gần đây (được xây dựng theo tiếp cận NL) tức là tiếp cận kết quả đầu ra, *CĐR nhóm ngành ĐT CNSP* cũng được xây dựng theo quan điểm phát triển NL. Ở đây, NL được quan niệm là sự vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... vào tiến hành hiệu quả các hoạt động, thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh nhất định. Theo tiếp cận NL, CĐR nhóm ngành ĐT CNSP là một hệ thống phẩm chất và NL nghề dạy học mà người giáo sinh cần phải có và phát triển trong suốt quá trình học nghề. Mỗi NL nghề được biểu hiện ở các tiêu chí và các chỉ số hành vi có thể đo và quan sát được.

2.1.4. Tiếp cận theo Chuẩn (Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mới)

Mục tiêu của ĐT CNSP, xét đến cùng là tạo ra những “sản phẩm đặc biệt” – những GV có thể tham gia ngay vào thực tiễn GDPT. Mặc dù, sau khi ra trường, giáo sinh còn phải trải qua kì thi tuyển dụng và 01 năm tập sự nhưng về cơ bản họ đã phải thực hiện những công việc thực thụ của người GV. Vì thế, tuy chưa đặt ra những yêu cầu như những GV đã qua tập sự hay GV lành nghề nhưng các nhà tuyển dụng vẫn đòi hỏi giáo sinh phải đạt được các yêu cầu tối thiểu, căn bản của người GV mà những yêu cầu ấy lại được thể hiện rõ qua *Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GDPT* mới được ban hành (Thông tư 20), trong đó, mức Đạt trong Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông chính là cơ sở tham chiếu gần nhất để “đo” các phẩm chất và năng lực (NL) nghề của giáo sinh. Như vậy, dù muốn hay không thì CĐR của CT ĐT CNSP cũng phải dựa vào Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông như là một căn cứ quan trọng, một tham chiếu không thể thiếu, một hành lang pháp lí và thực tiễn thiết yếu. Nghĩa là, Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông và CĐR của CNSP phải thống nhất, đồng hướng, đồng dạng, *tất nhiên không thể đồng nhất*. Theo đó, từ Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông mới (2018), có thể luận suy các giá trị nghề và NL nghề tương ứng cần thiết dành cho các giáo sinh như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1: Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông mới và CĐR của CNSP

Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông mới	CĐR của CNSP
Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất nhà giáo	I. Những yêu cầu về đạo đức nhà giáo và phong cách SP
Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo	1. Đạo đức nghề nghiệp
Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo	2. Phong cách SP
Tiêu chuẩn 2: Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ	II. Những yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ SP
Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân	3. NL chuyên môn
Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và GD theo hướng phát triển phẩm chất, NL HS	4. NL xây dựng kế hoạch dạy học và GD
Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và GD theo hướng phát triển phẩm chất, NL HS	5. NL thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học và GD 6. NL sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và GD
Tiêu chí 6. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, NL HS	7. NL kiểm tra, đánh giá
Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ HS	8. NL tư vấn và hỗ trợ HS
Tiêu chuẩn 3: Xây dựng môi trường GD	III. Những yêu cầu về xây dựng môi trường GD
Tiêu chí 8. Xây dựng văn hóa nhà trường	9. NL xây dựng văn hóa nhà trường
Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường	
Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	10. NL xây dựng môi trường GD an toàn, dân chủ
Tiêu chuẩn 4: Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	IV. Những yêu cầu về phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội
Tiêu chí 11. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS và các bên liên quan	11. NL xây dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS

Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông mới	CĐR của CNSP
Tiêu chí 12. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho HS	12. NL phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội
Tiêu chí 13. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện GD đạo đức, lối sống cho HS	
Tiêu chuẩn 5: Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, GD	V. Những yêu cầu về sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, GD
Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc	13. NL sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc
Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, GD	14. NL ứng dụng công nghệ trong dạy học và GD

2.1.5. Tiếp cận thực tiễn (đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới)

Công tác ĐT CNSP không chỉ đòi hỏi phải trang bị cho SVSP những phẩm chất, giá trị nghề nghiệp cơ bản và những NL nghề cốt lõi, nền tảng mà còn phải chú ý đáp ứng những yêu cầu của bối cảnh thời đại, xã hội và GD trong những giai đoạn lịch sử cụ thể.

Ở Việt Nam hiện tại và những năm tiếp theo, CT GDPT mới đang và sẽ được áp dụng. Dựa trên những nghiên cứu so sánh quốc tế và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở Việt Nam, CT đã mô tả mô hình nhân cách của HS phổ thông với các phẩm chất và NL cần có để có thể trở thành người công dân mới trong bối cảnh toàn cầu hóa, tức là vừa có những phẩm chất và NL của một công dân toàn cầu trong xu thế hội nhập, vừa có những giá trị và NL mang bản sắc, đặc trưng của dân tộc. Mô hình nhân cách của người HS cũng như các nội dung cụ thể dưới đây trong CT GDPT mới cũng sẽ là hệ quy chiếu ngược cho những yêu cầu đặt ra đối với phẩm chất và NL của người giáo sinh để có thể đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn đổi mới GDPT trong những năm tiếp theo.

Mục tiêu của GDPT

Giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất, NL đáp ứng nhu cầu hoàn thiện nhân cách của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp mới. GD trung học cơ sở giúp HS phát triển các phẩm chất, NL đã được hình thành và phát triển ở cấp Tiểu học; tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội; hình thành phương pháp học tập, hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng để tiếp tục học lên THPT, học nghề hoặc bước vào cuộc sống lao động. GD THPT giúp HS tiếp tục phát triển những phẩm chất, NL của người lao động, nhân cách công dân, ý thức về quyền và nghĩa vụ đối với Tổ quốc; khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với NL và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc bước vào cuộc sống lao động; khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp mới.

Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và NL HS

- Hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu sau: Nhân ái, khoan dung; chuyên cần, tiết kiệm; trách nhiệm, kỉ luật; trung thực, dũng cảm.

- Hình thành và phát triển cho HS những NL cốt lõi sau:

a) Những NL chung được tất cả các môn học và hoạt động GD (sau đây gọi chung là môn học) góp phần hình thành, phát triển: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo;

b) Những NL chuyên môn được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học nhất định: NL ngôn ngữ, NL tính toán, NL tìm hiểu tự nhiên và xã hội, NL công nghệ, NL tin học, NL thẩm mỹ, NL thể chất.

Bên cạnh mục tiêu chính là hình thành, phát triển các NL cốt lõi, GDPT còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng NL chuyên biệt (năng khiếu) ở những HS có các NL chuyên biệt đó.

Như một chân lí, người GV không thể làm tốt công tác GD HS nếu như họ không đạt ở mức cao hơn những phẩm chất và NL mà HS cần phải có. Nói cách khác, những phẩm chất và NL mà HS cần đạt nêu trên cũng là những phẩm chất và NL phải đạt ở GV và giáo sinh nhưng ở mức cao hơn và rộng hơn, bao gồm cả những phẩm chất và NL khác nữa. Điều này đòi hỏi trong CT ĐT CNSP, bên cạnh những phẩm chất và NL nghề dạy học cần có những yêu cầu về phẩm chất chính trị, phẩm chất công dân và các NL chung.

Mặt khác, trong xu thế hội nhập, chuyển đổi nghề nghiệp linh hoạt hiện nay cũng như thực tế thừa GV tại các cơ sở GD&ĐT, việc trang bị những phẩm chất và NL chung để SVSP sau khi ra trường có thể chuyển đổi nghề nghiệp tạm thời hoặc lâu dài là một yêu cầu cần được tính đến. Đây cũng là tính linh hoạt của CT nhưng cũng là đòi hỏi của thực tiễn đối với các CT ĐT hiện nay.

Tóm lại, trên đây là quan điểm tiếp cận đồng bộ vấn đề CĐR cho cử nhân sư phạm. Từ các quan điểm này, có thể xác định Cấu trúc và Khung CĐR cũng như các biểu hiện cụ thể của hệ thống phẩm chất và NL nghề dành cho SVSP sau khi tốt nghiệp. Mỗi hướng tiếp cận sẽ góp phần quan trọng vào việc dựng nên “chân dung”, “phong cách” người GV tương lai mà các trường ĐHSP muốn ĐT.

2.2. Cấu trúc và khung chuẩn đầu ra của cử nhân sư phạm (trung học)

Từ cơ sở khoa học, thực tiễn và những quan điểm, phương pháp tiếp cận nêu trên, chúng tôi đề xuất khung CĐR của CNSP (trung học) như sau (xem Bảng 2):

Trong Bảng 2, việc phân tách các NL chung và NL chuyên môn, NL nghiệp vụ sư phạm có tính chất tương đối bởi trên thực tế chúng có mối quan hệ gắn kết, chuyển hóa trong nhau. Một mặt, các NL này phải gắn với yếu tố chuyên môn và đồng hành, thống hợp với NL chuyên môn. Ví dụ, NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp tiếng Việt...; đồng thời cũng gắn với NL nghiệp vụ sư phạm. Ví dụ, NL giao tiếp sư phạm; NL giải quyết tình huống sư phạm;... Mặt khác, chính quá trình học tập để hình thành, phát triển các

NL chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm sẽ tiếp tục củng cố và phát triển các NL chung cho SV.

2.3. Những biểu hiện của phẩm chất và năng lực trong Chuẩn đầu ra của cử nhân sư phạm

Từ khung Chuẩn nêu trên, chúng tôi tiếp tục mô tả các biểu hiện cụ thể của phẩm chất và NL mà SV SP cần đạt được khi tốt nghiệp. Đây là các yêu cầu cần đạt tối thiểu của SV SP trong quá trình học tập và rèn luyện trong trường ĐHSP và là cơ sở để tiến tới xác định những kiến thức, kĩ năng mà SV SP phải học cũng như các điều kiện thực hành, thực tế để vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học từ đó hình thành, phát triển phẩm chất, NL. Hệ thống kiến thức, kĩ năng này tiếp tục là cơ sở để xác định các môn

Bảng 2: Khung CĐR của cử nhân SP (trung học)

Phẩm chất	NL		
	NL chung	NL chuyên môn	NL nghiệp vụ SP
1. Phẩm chất chính trị và công dân	1. NL giao tiếp và hợp tác. 2. NL tự chủ và tự học.	1. NL nghiên cứu khoa học chuyên ngành. 2. ...	1. NL tìm hiểu người học và môi trường GD. 2. NL xây dựng kế hoạch dạy học và GD. 3. NL thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học và GD. 4. NL sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và GD. 5. NL đánh giá trong dạy học và GD học sinh. 6. NL tư vấn và hỗ trợ HS. 7. NL nghiên cứu khoa học SP ứng dụng. 8. NL xây dựng văn hóa nhà trường. 9. NL xây dựng môi trường GD an toàn, dân chủ. 10. NL xây dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS. 11. NL phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội. 12. NL phát triển nghề nghiệp.
2. Đạo đức và phong cách SP	3. NL giải quyết vấn đề và sáng tạo. 4. NL phản biện. 5. NL ngoại ngữ/tiếng dân tộc. 6. NL ứng dụng công nghệ thông tin.		

Bảng 3: Mô tả phẩm chất và NL nghề nghiệp chung của SV SP

Phẩm chất và NL	Biểu hiện
I. Phẩm chất	
1. Phẩm chất chính trị và ý thức công dân	- Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. - Tham gia tích cực các hoạt động chính trị, xã hội do Ngành, nhà trường tổ chức - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân; - Có trách nhiệm, ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung;
2. Đạo đức và phong cách SP	- Có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; - Yêu thương, tôn trọng, tin tưởng và trách nhiệm với HS; - Ứng xử lịch sự, thân thiện với đồng nghiệp, HS, cha mẹ HS... - Lối sống lành mạnh, văn minh; - Tác phong, hành vi chuẩn mực, phong thái đàng hoàng, đĩnh đạc.
II. NL	
NL chung	
1. NL giao tiếp và hợp tác	- Sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện khác một cách hiệu quả trong giao tiếp và các hoạt động chuyên môn; tạo được không khí giao tiếp SP thân thiện, dân chủ. - Đề xuất được mục đích, nội dung, phương thức hợp tác để giải quyết vấn đề; làm việc nhóm hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp.
2. NL tự chủ và tự học	- Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế của bản thân; tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân theo các yêu cầu về phẩm chất nhà giáo. - Lập, quản lí, thực hiện kế hoạch học tập chuyên môn và nghiệp vụ SP một cách hiệu quả;

Phẩm chất và NL	Biểu hiện
3. NL giải quyết vấn đề và sáng tạo	- Phát hiện, nêu và giải quyết được các vấn đề trong môi trường SP và các hoạt động chuyên môn. - Nêu được các ý tưởng mới trong học tập và rèn luyện nghiệp vụ SP; tìm kiếm và sử dụng hiệu quả các phương pháp học tập mới.
4. NL phản biện	- Sẵn sàng lắng nghe ý kiến của người khác, nhất là những ý kiến trái chiều; không định kiến trước ý kiến, quan điểm của người khác. - Phản biện thuyết phục và có văn hóa quan điểm của người khác.
5. NL ngoại ngữ	- Đạt trình độ ngoại ngữ A2 theo <i>Khung NL ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</i> . - Sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn ở mức độ phù hợp.
6. NL ứng dụng công nghệ thông tin	Sử dụng được công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và GD.
NL chuyên môn	
1. NL nghiên cứu khoa học chuyên ngành	- Xác định, triển khai được một số đề tài nghiên cứu gắn với chuyên ngành (Toán học, Văn học,...) và thực tiễn GD ở trường phổ thông.
2. Các NL chuyên môn	
NL nghiệp vụ SP	
1. NL tìm hiểu người học và môi trường GD	- Vận dụng được các phương pháp thu thập, xử lý thông tin trong việc tìm hiểu HS và môi trường GD - Sử dụng kết quả tìm hiểu người học và môi trường GD vào các hoạt động dạy học và GD.
2. NL xây dựng kế hoạch dạy học và GD	- Xác định các điều kiện, yếu tố chi phối việc lập, thực hiện kế hoạch; - Lập được kế hoạch dạy học, GD trong năm học, học kì...; - Thu nhận thông tin ngược để điều chỉnh kế hoạch dạy học và GD.
3. NL thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học và GD HS	- Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học và GD trong nhà trường; - Vận dụng được các kiến thức về tâm lí học, GD học vào thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học và GD.
4. NL sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và GD	- Lựa chọn, xác định được các phương pháp, phương tiện dạy học và GD phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng và bối cảnh dạy học, GD. - Vận dụng được các phương pháp, phương tiện dạy học và GD vào việc tổ chức các hoạt động dạy học và GD trong nhà trường. - Cập nhật, đổi mới các phương pháp, phương tiện dạy học và GD.
5. NL đánh giá trong dạy học và GD học sinh	- Xác định tiêu chí đánh giá quá trình, kết quả học tập và GD của HS; - Lựa chọn và sử dụng các phương tiện, kĩ thuật đánh giá HS phù hợp với mục tiêu, yêu cầu, nội dung có tính đặc thù của môn học và bối cảnh GD cụ thể; - Sử dụng kết quả đánh giá HS vào cải tiến các hoạt động dạy học và GD.
6. NL tư vấn và hỗ trợ HS	- Xây dựng quan hệ tin cậy với HS; - Xác định được các phương án tư vấn, hỗ trợ HS phù hợp với hoàn cảnh riêng của từng em.
7. NL nghiên cứu khoa học SP ứng dụng	- Xác định vấn đề hay câu hỏi nghiên cứu, diễn đạt được vấn đề nghiên cứu thành tên đề tài; - Lập được đề cương nghiên cứu sư phạm ứng dụng; - Sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật nghiên cứu sư phạm ứng dụng; - Trình bày các kết quả nghiên cứu sư phạm ứng dụng dưới dạng một văn bản khoa học.
8. NL xây dựng văn hóa nhà trường	- Thực hiện nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường; - Xây dựng quan hệ đồng nghiệp thân thiết.
9. NL xây dựng môi trường GD an toàn, dân chủ	- Tham gia tuyên truyền về các quy định an toàn và quyền dân chủ trong trường học; - Tích cực thực hiện về các quy định về an toàn trường học và quyền dân chủ trong nhà trường.
10. NL xây dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS	- Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của HS; - Sử dụng được các phương pháp cơ bản phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trong việc GD HS.
11. NL phát triển nghề nghiệp	- Đối chiếu các yêu cầu của CĐR và thực tiễn GD với phẩm chất, NL của bản thân để tự đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu và có kế hoạch bồi dưỡng. - Sử dụng được CNTT trong học tập, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp.

học, mô-đun cũng như thời lượng, ma trận và kế hoạch giảng dạy chi tiết nhằm đạt được các yêu cầu “đầu ra” nêu trên (xem Bảng 3).

3. Kết luận

Xây dựng CDR cho nhóm ngành ĐT CNSP là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh đổi mới GD nói chung và đổi mới GDPT nói riêng. Chuẩn sẽ là căn cứ quan trọng để các trường SP phát triển các CT ĐT chi tiết, giáo trình, bài giảng cũng như tạo ra tiền đề cơ sở để đổi mới phương pháp

dạy học và kiểm tra, đánh giá... Khung CDR được đề xuất trong bài báo này một mặt được xây dựng dựa trên sự kế thừa những CDR nhóm ngành ĐT CNSP đã được nghiên cứu và áp dụng; mặt khác, bám sát những yêu cầu mới của Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông và CT GDPT vừa được Bộ GD&ĐT ban hành. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những tiêu chuẩn chung dành cho CNSP, các ngành ĐT SP cần tiếp tục nghiên cứu để bổ sung những NL đặc thù/NL chuyên môn gắn với chuyên ngành/nhóm ngành ĐT.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đinh Quang Báo, (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2009), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông*, ban hành theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), *Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên Trung học phổ thông*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [4] Bùi Minh Đức (chủ biên), (2017), *Phát triển năng lực nghề cho sinh viên sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Vũ Thị Sơn, (2015), *Mô hình đào tạo giáo viên theo định hướng phát triển năng lực nghề*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] *Australian Professional Standards for Teachers*, downloaded from <http://www.aitsl.edu.au/australian-professional-standards-for-teachers/standards/list>
- [7] *National Institute of Education*, Singapore. “A teacher education models for the 21st century,” October 2009. http://www.nie.edu.sg/files/spcs/Te21_online_ver.pdf
- [8] *Virginia Standards for the Professional Practice of Teachers*, downloaded from http://www.doe.virginia.gov/teaching/regulations/uniform_performance_stds_2011.pdf

DEVELOPING OUTCOME STANDARDS FOR THE PRE-TEACHER TRAINING TO MEET THE REQUIREMENTS OF EDUCATION REFORM

Bui Minh Duc

Hanoi Pedagogical University 2
Xuan Hoa ward, Phuc Yen city,
Vinh Phuc province, Vietnam
Email: duckhsp@gmail.com

ABSTRACT: *The outcome standards for the pre-teacher training should be developed to meet the requirements of education reform in general and the professional standard for teachers as well as the new general education curriculum in particular. The standards are developed based on the system approach, competence approach, functional approach and practical approach. On the basis of inheriting the outcome standards for the pre-teacher training, which have been studied and applied in Vietnam and some other countries in the world, the new requirements of the professional standards of teachers and the new general education curriculum, the author proposes the output standard framework for the pre-teacher training, including: 1/ Morality (Political and civic consciousness; ethics and pedagogical styles); 2/ Competences (general capacity, professional capacity, pedagogical competence).*

KEYWORDS: Outcome standards; pre-teachers; morality; competences.